# *Ngày soạn: 01/10/2024*

# *Ngày dạy : 08/10/2024*

# *Người dạy: Nguyễn Thị Phương Thảo*

# CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Từ đồng nghĩa**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:***

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***-*** Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học. Nâng cao kĩ năng vận từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***-*** Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên. Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  - GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.  **2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Nắm được khái niệm về từ đồng nghĩa.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Bài 1:*  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS nêu từ in đậm có trong đoạn văn.  - HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  Bài 2:  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS:   * *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…)* * *Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.*   - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS:  **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS vận dụng được làm các bài tập, câu hỏi có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: *Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?*  *a. Chân yếu tay mềm.*  *b. Thức khuya dậy sớm.*  *c. Đầu voi đuôi chuột.*  *d. Một nắng hai sương.*  *e. Ngăn sông cấm chợ.*  *g. Thay hình đổi dạng.*  + GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh ai đúng”  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *e. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.*  *g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4: *Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.*  *Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.*  *(Theo Vũ Hùng)*  + GV tổ chức hoạt động cá nhân cho HS thực hiện nhiệm vụ trên.  + GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến. | - HS tham gia chơi  - HS ghi bài mới.  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS theo dõi, xem trên màn hình.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  + HS tham gia chơi  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố kiến thức về: Từ đồng nghĩa  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:  Lên rừng bắt tép kho cà  Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn  Lên rừng bắt con cá măng  Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...  (Ca dao)  - Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS. | - HS làm việc theo nhóm  + Từ đồng nghĩa với quả: trái  + Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…  + Từ đồng nghĩa với mang: đem  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................